BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
HỌC VIỆN NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨ VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH ĐÀO TẠO: QUY HOẠCH VÙNG VÀ ĐÔ THỊ

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TM94154: QUẢN LÝ RỦI RO TRONG QUY HOẠCH VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ
(RISK MANAGEMENT IN URBAN PLANNING AND DEVELOPMENT)

I. Thông tin về học phần

- Học kỳ: 9
- Tín chỉ: **03 (Lý thuyết: 2 – Thực hành:1)**
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập:
  + Học lý thuyết trên lớp: 30 tiết
  + Làm bài thực hành trên lớp: 15 tiết
- Giờ tự học: 105 tiết
- Đơn vị phụ trách:
  - Bộ môn: Quản lý Tài nguyên
  - Khoa: Tài nguyên và Môi trường
- Học phần thuộc khối kiến thức:

Đại cương ☐		Cơ sở ngành ☐		Chuyên sâu ☒	
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐

- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Anh☐ Tiếng Việt ☒

II. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo và mục tiêu, kết quả học tập mong đợi của học phần

**** Các chuẩn đầu ra và chỉ báo của chương trình đào tạo mà học phần đóng góp:***

Chuẩn đầu ra Sau khi hoàn tất chương trình, sinh viên có thể:	**Chỉ báo chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo**	**Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT**
Kiến thức chung		
CĐR1: Áp dụng kiến thức khoa học tự nhiên, kinh tế - chính trị - xã hội, pháp luật, sinh thái, môi trường và sự hiểu biết về các vấn đề đương đại trong lĩnh vực Quy hoạch vùng và đô thị.	CB 1.2. Áp dụng kiến thức kinh tế - chính trị - xã hội, pháp luật trong lĩnh vực Quy hoạch vùng và đô thị.	M
Kiến thức chuyên môn		
CĐR3: Phân tích công tác Quy hoạch vùng và đô thị để phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế xã hội.	CB 3.2. Phân tích công tác quản lý quy hoạch vùng và đô thị phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế xã hội.	R
CĐR4: Đề xuất giải pháp quản lý, quy hoạch vùng và đô thị đáp ứng các yêu	CB 4.2. Đề xuất giải pháp quản lý quy hoạch vùng và đô thị đáp ứng	R

Chuẩn đầu ra Sau khi hoàn tất chương trình, sinh viên có thể:	Chỉ báo chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo	Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT
cầu về phát triển bền vững của Việt Nam và toàn cầu.	các yêu cầu về phát triển bền vững của Việt Nam và toàn cầu.	
Kỹ năng chuyên môn		
CĐR6: Sử dụng các kỹ năng nghề nghiệp, nghiệp vụ hành chính để phục vụ hiệu quả các hoạt động chuyên môn trong lĩnh vực Quy hoạch vùng và đô thị.	CB 6.2. Sử dụng hiệu quả các nghiệp vụ hành chính trong công tác quản lý, quy hoạch vùng và đô thị.	M
Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
CĐR7: Thể hiện năng lực làm việc độc lập và làm việc nhóm hiệu quả; chủ động, sáng tạo, tuân thủ đạo đức nghề nghiệp; có khả năng hướng dẫn – giám sát kỹ thuật và đưa ra kết luận chuyên môn trong lĩnh vực Quy hoạch vùng và đô thị.	CB 7.2. Hướng dẫn, hỗ trợ và giám sát những người khác trong thực hiện các nhiệm vụ kỹ thuật thuộc lĩnh vực quy hoạch vùng và đô thị.	M
CĐR8: Thể hiện ý thức học tập suốt đời và tinh thần khởi nghiệp.	CB 8.1. Thể hiện thói quen tự học, tự nghiên cứu, nâng cao trình độ chuyên môn.	M

**** Mục tiêu***: Học phần nhằm cung cấp cho sinh viên

Kiến thức

Sinh viên vận dụng thành thạo kiến thức pháp luật, kinh tế - xã hội để phân tích sâu sắc công tác quản lý quy hoạch trước các thách thức của rủi ro và biến đổi khí hậu. Từ đó, đề xuất được các giải pháp quy hoạch và quản lý đô thị phù hợp nhằm giảm thiểu rủi ro, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững của Việt Nam và toàn cầu.

Kỹ năng

Sinh viên sử dụng thành thạo và chuyên nghiệp các kỹ năng nghiệp vụ hành chính để tổ chức, điều phối và thực hiện hiệu quả công tác quản lý rủi ro trong các đồ án quy hoạch. Có khả năng xử lý linh hoạt các thủ tục, văn bản pháp lý liên quan đến an toàn đô thị và phòng chống thiên tai trong môi trường làm việc thực tế.

Năng lực tự chủ và trách nhiệm

Sinh viên hình thành thói quen tự học, tự nghiên cứu chuyên sâu để nâng cao trình độ về quản trị rủi ro; thể hiện năng lực hướng dẫn, hỗ trợ và giám sát kỹ thuật đối với các thành viên khác khi giải quyết các bài toán quy hoạch phức tạp. Chủ động chịu trách nhiệm về các giải pháp an toàn đề xuất cho cộng đồng.

**** Kết quả học tập mong đợi của học phần:***

Kí hiệu	KQHTMĐ của học phần *Hoàn thành học phần này, sinh viên thực hiện được*	Chỉ báo chuẩn đầu ra của CTĐT
Kiến thức		

Kí hiệu	KQHTMĐ của học phần *Hoàn thành học phần này, sinh viên thực hiện được*	Chỉ báo chuẩn đầu ra của CTĐT
K1	Áp dụng được các quy định pháp luật, chính sách hiện hành và kiến thức kinh tế - xã hội để nhận diện, đánh giá các yếu tố rủi ro trong bối cảnh quy hoạch vùng và đô thị.	CB 1.2. Áp dụng kiến thức kinh tế - chính trị - xã hội, pháp luật trong lĩnh vực Quy hoạch vùng và đô thị.
Kiến thức chuyên môn		
K2	Phân tích được vai trò và thực trạng của công tác quản lý rủi ro trong quy hoạch, đánh giá tác động của rủi ro đến các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của đô thị.	CB 3.2. Phân tích công tác quản lý quy hoạch vùng và đô thị phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế xã hội.
K3	Đề xuất được các giải pháp quy hoạch không gian, sử dụng đất và hạ tầng kỹ thuật nhằm giảm thiểu rủi ro, tăng cường khả năng chống chịu, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững.	CB 4.2. Đề xuất giải pháp quản lý quy hoạch vùng và đô thị đáp ứng các yêu cầu về phát triển bền vững của Việt Nam và toàn cầu.
Kĩ năng		
K4	Sử dụng hiệu quả các quy trình, nghiệp vụ hành chính và công cụ chuyên môn để tổ chức thực hiện, quản lý hồ sơ và ra quyết định trong các tình huống quản lý rủi ro đô thị.	CB 6.2. Sử dụng hiệu quả các nghiệp vụ hành chính trong công tác quản lý, quy hoạch vùng và đô thị.
Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
K5	Có khả năng tổ chức nhóm, hướng dẫn và giám sát các thành viên khác trong việc thu thập dữ liệu, phân tích và đánh giá rủi ro kỹ thuật trong các đồ án quy hoạch.	CB 7.2. Hướng dẫn, hỗ trợ và giám sát những người khác trong thực hiện các nhiệm vụ kỹ thuật thuộc lĩnh vực quy hoạch vùng và đô thị.
K6	Chủ động tự nghiên cứu, cập nhật các phương pháp đánh giá rủi ro mới, các mô hình thích ứng biến đổi khí hậu trên thế giới để nâng cao năng lực chuyên môn.	CB 8.1. Thể hiện thói quen tự học, tự nghiên cứu, nâng cao trình độ chuyên môn.

III. Nội dung tóm tắt của học phần

TM94154– Quản lý rủi ro trong quy hoạch và phát triển đô thị (Risk management in urban planning and development). (3TC: Tổng số tín chỉ lý thuyết: 2TC – Tổng số tín chỉ thực hành: 1TC – Tổng số giờ tự học: 105 tiết).

Mô tả vắn tắt nội dung: Học phần này gồm: Những khái niệm cơ bản về rủi ro, hiểm họa và tính dễ bị tổn thương trong bối cảnh đô thị hóa; Các phương pháp và công cụ đánh giá, phân tích rủi ro thiên tai và biến đổi khí hậu; Kỹ thuật lồng ghép các giải pháp phòng tránh và giảm nhẹ rủi ro vào các đồ án quy hoạch vùng và đô thị; Quản lý rủi ro dựa vào cộng đồng; Chiến lược xây dựng đô thị có khả năng chống chịu (Resilient Cities) và phát triển bền vững.

IV. Phương pháp giảng dạy và học tập

1. Phương pháp giảng dạy

1) Thuyết giảng trên lớp
2) Giảng dạy trực tuyến
3) Giảng dạy thông qua bài thực hành

2. Phương pháp học tập

1) Nghe giảng trên lớp
2) Thảo luận
3) Học trực tuyến
4) Đọc tài liệu ở nhà trước khi học
5) Thực hiện các nhiệm vụ khác do giảng viên yêu cầu

V. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần: Tất cả sinh viên tham dự học phần này phải tham dự các buổi giảng lý thuyết trên lớp/giảng trực tuyến theo quy định của Học viện.
- Chuẩn bị cho bài giảng: Tất cả sinh viên tham dự học phần này phải tìm tài liệu có liên quan đến môn học, đọc trước các tài liệu học tập (giáo trình, bài giảng của giảng viên, tài liệu tham khảo) **trước mỗi buổi học.**
- Bài thực hành: Tất cả sinh viên tham dự học phần này phải hoàn thành các bài thực hành theo thời khóa biểu của Học viện.
- Thi cuối kì: Bài thi kết thúc học phần

VI. Đánh giá và cho điểm

1. Thang điểm: 10

2. Điểm trung bình của học phần là tổng điểm của các rubric nhân với trọng số tương ứng của từng rubric

3. Phương pháp đánh giá

Bảng 1: Kế hoạch đánh giá và trọng số

Hoạt động đánh giá	KQHTMĐ được đánh giá	Trọng số (%)	Thời gian/Tuần học
Đánh giá chuyên cần	***K1, K2, K3***	***10***	1-9
Đánh giá thường xuyên		***30***	
Bài thực hành	K1, K2; K3; K4; K5	30	*Theo lịch của Học viện*
Đánh giá thi cuối kì		***60***	*Theo lịch của Học viện*
Thi kết thúc học phần	***K1, K2, K3***	60	

Bảng 2. Chỉ báo thực hiện các kết quả học tập mong đợi của học phần

KQHTMĐ	Chỉ báo thực hiện KQHTMĐ
K1	**Chỉ báo 1:** Vận dụng chính xác các văn bản quy phạm pháp luật, chính sách hiện hành và các tiêu chuẩn kỹ thuật để nhận diện đầy đủ các loại hình rủi ro trong một khu vực quy hoạch cụ thể.
	Chỉ báo 2: Đánh giá được mối quan hệ giữa các điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội với mức độ phơi nhiễm (exposure) và tính dễ bị tổn thương (vulnerability) của đô thị.
K2	**Chỉ báo 3:** Phân tích được thực trạng và những bất cập trong công tác lồng ghép quản lý rủi ro tại các đồ án quy hoạch vùng/đô thị đã được phê duyệt.

KQHTMĐ	Chỉ báo thực hiện KQHTMĐ
	Chỉ báo 4: Đánh giá (định lượng hoặc định tính) được tác động/thiệt hại của các kịch bản rủi ro đối với các mục tiêu tăng trưởng kinh tế và ổn định xã hội của địa phương.
K3	**Chỉ báo 5:** Đề xuất được phương án quy hoạch sử dụng đất và tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan nhằm giảm thiểu rủi ro và thích ứng với biến đổi khí hậu.
	Chỉ báo 6: Xây dựng được các giải pháp kỹ thuật hạ tầng thiết yếu (chuẩn bị kỹ thuật, thoát nước, giao thông...) nhằm tăng cường khả năng chống chịu (resilience) cho đô thị.

Rubric 1: Đánh giá chuyên cần

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt 8,5 – 10 điểm	Khá 6,5 – 8,4 điểm	Trung bình 4,0 – 6,4 điểm	Kém 0 – 3,9 điểm
Thời gian tham dự	50	Tham dự 85-100% số buổi học	Tham dự 75-84% số buổi học	Tham dự 50 -74 % số buổi học	Tham dự dưới 50 % số buổi học
Thái độ tham dự, mức độ tham gia phát biểu đóng góp ý kiến	50	Chú ý nghe giảng, tích cực tham gia phát biểu đóng góp ý kiến, chủ động đặt câu hỏi, trả lời câu hỏi trong quá trình nghe giảng	Chú ý nghe giảng, khá tích cực tham gia phát biểu đóng góp ý kiến, trả lời câu hỏi khi được yêu cầu	Đôi khi không tập trung, chú ý nghe giảng; ít tham gia phát biểu đóng góp ý kiến	Thường xuyên bị nhắc nhở trong giờ học, không tham gia phát biểu đóng góp ý kiến

Rubric 2. Đánh giá thực hành

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt 8,5 – 10 điểm	Khá 6,5 – 8,4 điểm	Trung bình 4,0 – 6,4 điểm	Kém 0 – 3,9 điểm
Thái độ tham dự	20	Tích cực tham gia và chia sẻ trong quá trình thực hành	Có tham gia và chia sẻ trong quá trình thực hành	Có tham gia nhưng không chú ý và chia sẻ trong quá trình thực hành	Không tham gia và chia sẻ trong quá trình thực hành
Kiểm tra kết quả thực hành trên máy tính	80	Hoàn thành đúng 85-100% bài thực hành	Hoàn thành đúng 65-84% bài thực hành	Hoàn thành đúng 40-64% bài thực hành	Hoàn thành đúng 0-39% bài thực hành

4. Các yêu cầu, quy định đối với học phần

- Tham dự trên lớp: Nghỉ quá 25% số tiết lý thuyết sẽ không được dự thi cuối kỳ.
- Tham dự thực hành: Không tham dự thực hành sẽ không được dự thi cuối kỳ.
- Yêu cầu về đạo đức: Có thái độ học tập nghiêm túc, đúng mực, tuân thủ quy định phòng thực hành, thực tập.

VII. Giáo trình/ tài liệu tham khảo

**** Sách giáo trình/Bài giảng:***

1. Trần Thị Tuyến, Nguyễn Thị Việt Hà (2022). Quản lý rủi ro thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu, NXB Đại học Vinh

2. Wamsler, C. (2014). Cities, disaster risk and adaptation. Routledge.

**** Tài liệu tham khảo khác:***

1. Nguyen, H., & Tran, P. (2016). Urban disaster risk reduction in Vietnam: Gaps, challenges, and approaches. Urban disasters and resilience in Asia, 123-140.

2. Du, J.; Greiving, S.; Islam, S.; Son, N. T.; Bien, V. T.; Natakun, B.; Caytiles, J. P. P. et. al. (2025). Resilience Upgrading Guide: On-Site Upgrading and Housing Resilience for Informal Settlements in Southeast Asia. TU Dortmund University, Eldorado. http://dx.doi.org/10.17877/DE290R-25815

3. Greiving, S., Kruse, P., Othmer, F., Fleischhauer, M., & Fuchs, M. (2023). Implementation of risk-based approaches in urban land use planning—The example of the city of Erftstadt, Germany. *Sustatnability*, *15*(21), 15340.

III. Nội dung chi tiết của học phần

Tuần	Nội dung	Phương pháp giảng dạy	Phương pháp đánh giá	KQHTMĐ của học phần
1	**Chương 1: Tổng quan về rủi ro và đô thị hóa**			
	Nội dung giảng dạy lý thuyết: *(6 tiết)* 1.1. Các khái niệm cơ bản: Hiểm họa (Hazard), Phơi nhiễm (Exposure), Tình trạng dễ bị tổn thương (Vulnerability), Rủi ro (Risk), Khả năng chống chịu (Resilience). 1.2. Phân loại rủi ro trong đô thị: Thiên tai, biến đổi khí hậu, dịch bệnh, cháy nổ và rủi ro xã hội. 1.3. Mối quan hệ giữa quy hoạch đô thị và quản lý rủi ro. 1.4. Bối cảnh pháp lý và chính sách quản lý rủi ro thiên tai tại Việt Nam. **Nội dung giảng dạy thực hành** *(2.5 tiết):* **Bài thực hành số 1:** Phân tích văn bản pháp luật và nhận diện các loại hình rủi ro đặc trưng tại một đô thị cụ thể (Case study).	*- Thuyết giảng* *- Thảo luận* *- Làm việc nhóm*	Thi tự luận	K1, K6 K1, K4, K5
	***N*ội dung cần tự học ở nhà**: *(20 tiết)* Đọc Luật Phòng chống thiên tai và Luật Quy hoạch đô thị liên quan đến an toàn đô thị.	*Tự học có hướng dẫn*		K6
2-4	**Chương 2: Quy trình và Công cụ Đánh giá Rủi ro Đô thị**			
	Nội dung giảng dạy lý thuyết: (6 *tiết)* 2.1. Quy trình quản lý rủi ro: Nhận diện - Phân tích - Đánh giá - Xử lý. 2.2. Phương pháp xây dựng Ma trận rủi ro (Risk Matrix) và Đánh giá rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng (CBDRM).	*- Thuyết giảng* *- Thảo luận* *- Làm việc nhóm*	Thi tự luận	K2, K4, K6

Tuần	Nội dung	Phương pháp giảng dạy	Phương pháp đánh giá	KQHTMĐ của học phần
	2.3. Ứng dụng GIS và Viễn thám trong thành lập bản đồ phân vùng rủi ro (ngập lụt, trượt lở). 2.4. Phân tích tác động của rủi ro đến kinh tế - xã hội đô thị. **Nội dung giảng dạy thực hành** *(5 tiết):* **Bài thực hành số 2:** Thu thập dữ liệu và xây dựng ma trận rủi ro cho khu vực nghiên cứu. **Bài thực hành số 3:** Kỹ thuật chồng lớp bản đồ (cơ bản) để xác định vùng xung yếu/dễ bị tổn thương.			K2, K4, K5
	Nội dung cần tự học ở nhà: *(20 tiết)* Thực hành phần mềm GIS cơ bản (hoặc công cụ đồ họa); Hoàn thiện báo cáo đánh giá hiện trạng rủi ro.	*Tự học có hướng dẫn*		
4-6	**Chương 3: Lồng ghép Quản lý rủi ro vào Quy hoạch không gian và Hạ tầng**			
	Nội dung giảng dạy lý thuyết: (9 *tiết)* 3.1. Nguyên tắc lồng ghép phòng chống thiên tai vào Quy hoạch chung, Quy hoạch phân khu. 3.2. Giải pháp quy hoạch sử dụng đất (Land-use planning) thích ứng an toàn. 3.3. Các giải pháp kỹ thuật hạ tầng (Cốt nền, Thoát nước, Kè chắn) giảm thiểu rủi ro. 3.4. Thiết kế đô thị (Urban Design) thích ứng với nước và không gian xanh đa chức năng. **Nội dung giảng dạy thực hành** *(2.5 tiết):* **Bài thực hành số 4:** Đề xuất điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất và hạ tầng cho một khu vực chịu ảnh hưởng của thiên tai.	- *Thuyết giảng* - *Thảo luận* - *Làm việc nhóm*	Thi tự luận	K3, K4 K3, K4, K5
	Nội dung cần tự học ở nhà: *(30 tiết)* Vẽ sơ đồ quy hoạch đề xuất; Tính toán sơ bộ các chỉ tiêu kỹ thuật hạ tầng thích ứng.	*Tự học có hướng dẫn*		K6
6	**Chương 4. Quản lý rủi ro dựa vào cộng đồng và Quản trị đô thị**			
	Nội dung giảng dạy lý thuyết: (3 *tiết)* 4.1. Vai trò của cộng đồng trong các giai đoạn: Phòng ngừa, Ứng phó và Phục hồi. 4.2. Kỹ năng tham vấn cộng đồng trong quy hoạch an toàn. 4.3. Nguồn lực tài chính, bảo hiểm rủi ro và hợp tác công tư (PPP). **Nội dung giảng dạy thực hành (2.5 tiết):** **Bài thực hành số 5:** Xây dựng kịch bản tham vấn cộng đồng về phương án di dời/tái định cư vùng rủi ro.	- *Thuyết giảng* - *Thảo luận* - *Làm việc nhóm*	Thi tự luận	K1, K4, K5 K4, K5
	Nội dung cần tự học ở nhà: *(15 tiết)*	*Tự học có hướng dẫn*		K6

Tuần	Nội dung	Phương pháp giảng dạy	Phương pháp đánh giá	KQHTMĐ của học phần
	Soạn thảo bảng câu hỏi điều tra xã hội học; Chuẩn bị tài liệu truyền thông.			
7-9	**Chương 5. Đô thị có khả năng chống chịu (Resilient Cities) và xu hướng mới**			
	Nội dung giảng dạy lý thuyết: (*6 tiết)* 5.1. Khung đánh giá Đô thị có khả năng chống chịu (City Resilience Framework). 5.2. Các giải pháp dựa vào thiên nhiên (Nature-based Solutions - NbS). 5.3. Ứng dụng công nghệ thông minh (Smart City) trong cảnh báo sớm. **Nội dung giảng dạy thực hành (2.5 tiết):** **Bài thực hành số 6:** Trình bày báo cáo kết quả thực tập	- *Thuyết giảng* - *Thảo luận* - *Làm việc nhóm*	Thi tự luận	K3, K6 K1, K2, K3, K4, K5
	Nội dung cần tự học ở nhà: *(20 tiết)* Ôn tập kiến thức chuẩn bị thi kết thúc học phần.	*Tự học có hướng dẫn*		K6

IX. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần:

- Phòng học: đáp ứng đủ tiêu chuẩn cho việc dạy và học;
- Trang thiết bị phục vụ học tập: máy tính, máy chiếu, microphone
- E- learning: phần mềm dạy trực tuyến (MS Teams…), máy tính, hệ thống máy chủ và hạ tầng kết nối mạng Internet với băng thông đáp ứng nhu cầu người dùng, không để xảy ra nghẽn mạng hay quá tải. Phòng học trực tuyến đầy đủ ánh sáng, cách âm tốt, thông thoáng, ngăn nắp, gọn gàng, sạch sẽ.
- Hệ thống LMS

Hà Nội, ngày 15 tháng 12 năm 2025

TRƯỞNG BỘ MÔN	**GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN**
PGS. TS. Ngô Thanh Sơn	**TS. Nông Hữu Dương**
KT. TRƯỞNG KHOA **PHÓ TRƯỞNG KHOA**	**KT. GIÁM ĐỐC** **PHÓ GIÁM ĐỐC**
PGS.TS. Trần Quốc Vinh	**GS. TS. Phạm Văn Cường**

PHỤ LỤC
THÔNG TIN VỀ ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN GIẢNG DẠY HỌC PHẦN

Giảng viên phụ trách học phần

Họ và tên: Nông Hữu Dương	Học hàm, học vị: TS
Địa chỉ cơ quan: Bộ môn Quản lý Tài nguyên, Khoa Tài nguyên và Môi trường, Học viện Nông nghiệp Việt Nam	Điện thoại liên hệ: 0329182354
Email: nhduong@vnua.edu.vn	Trang web: http://tnmt.vnua.edu.vn
Cách liên lạc với giảng viên: Email và điện thoại	

Giảng viên giảng dạy học phần

Họ và tên: Ngô Thanh Sơn	Học hàm, học vị: PGS. TS
Địa chỉ cơ quan: Bộ môn Quản lý Tài nguyên, Khoa Tài nguyên và Môi trường, Học viện Nông nghiệp Việt Nam	Điện thoại liên hệ: 0914346264
Email: ntson@vnua.edu.vn	Trang web: http://tnmt.vnua.edu.vn
Cách liên lạc với giảng viên: Email và điện thoại	

Giảng viên giảng dạy học phần

Họ và tên: Trần Trọng Phương	Học hàm, học vị: PGS. TS.
Địa chỉ cơ quan: Bộ môn Trắc địa Bản đồ, Khoa Tài nguyên và Môi trường	Điện thoại liên hệ: 0989885868
Email: ttphuong@vnua.edu.vn	Trang web: http://tnmt.vnua.edu.vn
Cách liên lạc với giảng viên: Liên hệ qua điện thoại, mail, gặp trực tiếp tại Bộ môn	

Giảng viên giảng dạy học phần

Họ và tên: Nguyễn Đức Lộc	Học hàm, học vị: TS
Địa chỉ cơ quan: Bộ môn Trắc địa bản đồ, Khoa Tài nguyên và Môi trường	Điện thoại liên hệ: 0858471588
Email: ndloc@vnua.edu.vn	Trang web: https://tnmt.vnua.edu.vn
Cách liên lạc với giảng viên: Liên hệ qua điện thoại, mail, gặp trực tiếp tại Bộ môn	

CÁC LẦN CẢI TIẾN

(Đề cương được cải tiến hàng năm theo qui định của Học Viện)

Đề cương được xây dựng mới năm 2025 theo Đề án mở ngành Quy hoạch vùng và đô thị